

Số: 126/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của ngành
Thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 42/TTr-TTr ngày 15 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại Trung tâm hành chính công; UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Thanh tra Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giao Huy



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA
NGÀNH THANH TRA TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm hành chính công tỉnh; Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Thanh tra các Sở, Ban, ngành.	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý	//	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

		để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.			
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo					
1	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	//	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.
III. Lĩnh vực tiếp công dân					
1	Thủ tục tiếp công dân	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban Tiếp công dân cấp tỉnh; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các Sở, Ban, ngành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư					
1	Thủ tục xử lý đơn thư	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm hành chính công tỉnh; Ban Tiếp công dân cấp tỉnh; bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra tỉnh, các Sở, Ban, ngành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014; Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; Thanh tra, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

		nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.			
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	//	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

1	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	//	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.
---	---------------------------	--	----	-------	---

III. Lĩnh vực tiếp công dân

1	Thủ tục tiếp công dân	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra huyện; các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.
---	-----------------------	--	--	-------	---

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư

1	Thủ tục xử lý đơn thư	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra huyện; các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014; Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.
---	-----------------------	--	---	-------	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					

I	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý đề giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý đề giải quyết.	Nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo					
I	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	//	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ.
III. Lĩnh vực tiếp công dân					
I	Thủ tục tiếp công dân	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư					
1	Thủ tục xử lý đơn thư	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014; Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG (CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng					
1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

2	Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCT đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.
3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.	Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện, bộ phận tổ chức cán bộ trong các cơ quan hành chính, bộ phận phụ trách công tác thanh tra nội bộ, tổ chức cán bộ trong các doanh nghiệp Nhà nước	Không	<ul style="list-style-type: none"> Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.
4	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình (Mẫu số 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014).	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước và người có trách nhiệm thực hiện việc giải trình.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ.

5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc giải trình.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ.
---	-----------------------------------	--	--	-------	---